

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 22 thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, 31 TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế (*xem Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

Điều 2.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

a) Cập nhật các TTHC mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết vào Hệ thống thông tin TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; Niêm yết, công khai TTHC này trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết các TTHC này.

c) Triển khai thực hiện giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm

a) Cập nhật các TTHC được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Công khai các TTHC này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các danh mục và nội dung cụ thể của các TTHC trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam tại các Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh và Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT (*gửi bản chính*);
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.



Nguyễn Văn Phương



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ TRONG TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 29/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí	Cách thức và địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện (cơ quan trực tiếp thực hiện, Cơ quan quyết định)
1.	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh	32 ngày	Không	- Cách thức: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Địa chỉ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT	- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - UBND tỉnh chấp thuận nhà đầu tư.
2.	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh	32 ngày	Không			- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư.
3.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	32 ngày	Không			- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.
4.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	32 ngày	Không			- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.
5.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	10 ngày	Không			Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

6.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	32 ngày	Không	<p>- Cách thức: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ Bru chính công ích.</p> <p>- Địa chỉ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế</p>	<p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định - UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) - Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
7.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	32 ngày	Không			<ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định - UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) - Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
8.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	32 ngày	Không			<ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định - UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) - Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
9.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.	32 ngày	Không			<ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định - UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) - Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
10.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	32 ngày	Không			<ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định - UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) - Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

11.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	32 ngày	Không			<ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định - UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) - Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
12.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	12 ngày	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Cách thức: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Địa chỉ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ - UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) - Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
13.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	5 ngày	Không			<ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

14.	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	18 ngày	Không	<p>- Cách thức: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ Bru chính công ích.</p> <p>- Địa chỉ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế</p>	<p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT</p>	- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định
15.	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	5 ngày	Không			Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận và thông báo việc ngừng hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan
16.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	15 ngày	Không			Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận và thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
17.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	15 ngày	Không			Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
18.	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	8 ngày	Không			Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
19.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	3 ngày	Không			Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư


20.	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	15 ngày	Không	- Cách thức: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Địa chỉ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài
21.	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15 ngày	Không			Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
22.	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	22 ngày	Không			Sở Kế hoạch và Đầu tư thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.

* Ban hành danh mục 22 TTHC mới ban hành theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ.

2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TÊN VBQPPL QUY ĐỊNH VIỆC NỘI DUNG BÃI BỎ	CƠ QUAN THỰC HIỆN	MÃ SỐ TTHC
1.	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;	UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001918
2.	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.004877

3.	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001910
4.	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)		Thủ tướng CP, UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001869
5.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư		Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.004635
6.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư		Quốc hội, Thủ tướng CP, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001853
7.	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001831
8.	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)		Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001696
9.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh		UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.003940
10.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ		Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.003912
11.	Chuyển nhượng dự án đầu tư		Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.003811
12.	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế		Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001581
13.	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài		Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.005361
14.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.003549
15.	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001361
16.	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001351

17.	Giãn tiến độ đầu tư	 <p>- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001318
18.	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư		Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.003096
19.	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư		Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001083
20.	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001056
21.	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001047
22.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương		Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.004569
23.	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư		Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.001031
24.	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư		Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.002401
25.	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài		Sở Kế hoạch và Đầu tư Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh	2.001018
26.	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư		Cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch, tài nguyên và môi trường và các cơ quan quản lý nhà nước khác	2.000828
27.	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương		Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.001861
28.	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)		Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.000824
29.	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài		Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan khác có thẩm quyền đăng ký thành lập tổ chức kinh tế	1.001791

30.	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan đăng ký đầu tư tiếp nhận hồ sơ và lấy ý kiến thẩm định của Bộ, ngành và cơ quan khác có liên quan; - Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định; - Văn phòng Chính phủ thực hiện thẩm tra; - Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. 	1.008385
31.	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan đăng ký đầu tư tiếp nhận hồ sơ và lấy ý kiến thẩm định của Bộ, ngành và cơ quan khác có liên quan; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định; - Văn phòng CP thực hiện thẩm tra; - Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. 	1.008384

** Ban hành danh mục 31 TTHC bị bãi bỏ theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ.*